



DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ

TÌNH HÌNH DÂN SỐ THẾ GIỚI

- Dân số thế giới khoảng 7,5 tỷ người (2017), quy mô dân số rất khác nhau.
 - + Có 11 nước đông dân nhất thế giới (trên 100 triệu người).
 - + Có 17 nước ít dân nhất thế giới (dưới 0,1 triệu người).
- Thời gian dân số tăng thêm 1 tỷ người và thời gian tăng gấp đôi càng rút ngắn.
- Quy mô dân số ngày càng lớn và tốc độ tăng dân số còn cao.

Gia tăng tự nhiên

Tỉ suất sinh thô

- Là sự tương quan giữa số trẻ em sinh ra trong năm so với dân số trung bình cùng thời điểm (%).
- Yếu tố tác động: tự nhiên - sinh học, phong tục, tâm lí xã hội, chính sách.
- Tỉ suất sinh thô đang giảm.

Tỉ suất tử thô

- Là sự tương quan giữa số người chết trong năm so với dân số trung bình cùng thời điểm (%).
- Yếu tố tác động: chiến tranh, bệnh tật, đói kém...
- Tuổi thọ trung bình dân số đang tăng.

Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên

$$Tg = \frac{S - T}{10} (\%)$$

- Tg: Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.
S: Tỉ suất sinh thô.
T: Tỉ suất tử thô.
- Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là động lực phát triển dân số.

☞ Gia tăng dân số ảnh hưởng đến các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường

GIA TĂNG DÂN SỐ

Gia tăng dân số

Gia tăng số dân = Gia tăng tự nhiên + gia tăng cơ học
(đơn vị: %)

Gia tăng cơ học

- Là sự chênh lệch giữa số người **xuất cư** và số người **nhập cư**.
- Không ảnh hưởng lớn vấn đề tăng dân số toàn cầu nhưng lại có ý nghĩa rất quan trọng đối với quốc gia, khu vực.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.



CƠ CẤU DÂN SỐ

CƠ CẤU SINH HỌC

- Biểu thị sự tương quan giữa giới nam so với giới nữ (đơn vị: %).

- Công thức:

$$T_{NN} = \frac{D_{nam}}{D_{nữ}}$$

hoặc

$$T_{NN} = \frac{D_{nam}}{D_{cả nước}} \quad T_{NN} = \frac{D_{nữ}}{D_{cả nước}}$$

- Ảnh hưởng đến phân bố sản xuất, đời sống xã hội và hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập hợp những nhóm người sắp xếp theo những nhóm tuổi nhất định.

- Chia thành 3 nhóm:

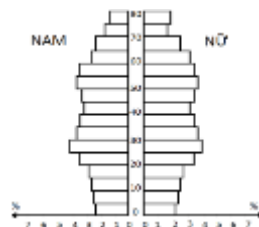
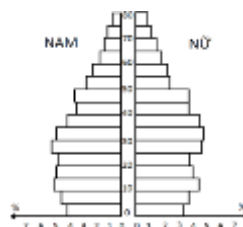
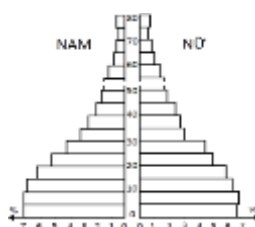
+ Dưới độ tuổi lao động: 0 - 14 tuổi.

+ Tuổi lao động: 15 - 59 tuổi.

+ Trên độ tuổi lao động: 60 hoặc 65 trở lên.

Ở Việt Nam: lao động nam từ 15 - 62 tuổi, lao động nữ 15 - 60 tuổi.

- Tháp dân số:



Theo giới

Theo tuổi

Theo lao động

- Nhóm dân số hoạt động kinh tế.
- Nhóm dân số không hoạt động kinh tế.

Theo khu vực kinh tế

- Khu vực I : Nông - lâm - ngư nghiệp.
- Khu vực II: Công nghiệp - xây dựng.
- Khu vực III: Dịch vụ.

CƠ CẤU XÃ HỘI

Ngoài ra, còn có các cơ cấu dân số khác như cơ cấu theo dân tộc, tôn giáo, mức sống,...

Theo trình độ văn hóa

- Dựa vào tỉ lệ người biết chữ (15 tuổi trở lên) và số năm đi học của những người từ 25 trở lên.
- Phản ánh trình độ dân trí → tiêu chí đánh giá chất lượng cuộc sống.



TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Câu 1. Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo

- A. lao động và giới.
- C. tuổi và theo giới.

B. lao động và theo tuổi.

D. tuổi và trình độ văn hoá.

Câu 2. Cơ cấu xã hội của dân số gồm cơ cấu theo

- A. giới và theo lao động.
- C. trình độ văn hoá và theo giới.

B. lao động và theo tuổi.

D. lao động và trình độ văn hoá.

Câu 3. Tỉ số giới tính được tính bằng

- A. số nam trên tổng dân.
- B. số nữ trên tổng dân.

C. số nam trên số nữ.

D. số nữ trên số nam.

Câu 4. Nguyên nhân nào sau đây có tác động mạnh mẽ nhất làm cho ở các nước đang phát triển có nam nhiều hơn nữ?

- A. Tuổi thọ.
- B. Tự nhiên.
- C. Tập quán.
- D. Kinh tế.

Câu 5. Tiêu chí nào sau đây đúng để chỉ một quốc gia có cơ cấu dân số trẻ?

- A. Nhóm tuổi 0 - 14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm dưới 10%.
- B. Nhóm tuổi 0 - 14 chiếm trên 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm trên 10%.
- C. Nhóm tuổi 0 - 14 chiếm dưới 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm trên 10%.
- D. Nhóm tuổi 0 - 14 chiếm dưới 35%, nhóm tuổi 60 trở lên chiếm dưới 10%.

Câu 6. Các tiêu chí nào sau đây thể hiện được trong cơ cấu dân số theo lao động

- A. Nguồn lao động, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- B. Tỉ suất sinh, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- C. Tỉ số giới, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- D. Dân số già, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

Câu 7. Thành phần nào sau đây không thuộc về nhóm dân số hoạt động kinh tế?

- A. Người có việc làm ổn định.
- B. Những người làm nội trợ.
- C. Người làm việc tạm thời.
- D. Người chưa có việc làm.

Câu 8. Thành phần nào sau đây thuộc vào nhóm hoạt động kinh tế?

- A. Sinh viên.
- B. Học sinh.
- C. Thất nghiệp.
- D. Nội trợ.

Câu 9. Các nhân tố nào sau đây có tác động mạnh mẽ đến cơ cấu theo lao động?

- A. Cơ cấu theo tuổi và cơ cấu kinh tế theo ngành.
- B. Cơ cấu theo tuổi và cơ cấu kinh tế thành phần.
- C. Cơ cấu kinh tế theo ngành và theo thành phần.
- D. Cơ cấu kinh tế theo ngành và theo lãnh thổ.

Câu 10. Cơ cấu dân số theo trình độ văn hoá phản ánh

- A. trình độ dân trí và học vấn.
- B. học vấn và nguồn lao động.
- C. nguồn lao động và dân trí.
- D. dân trí và người làm việc.

Bài tập thực hành

Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA PHÁP, MEXICO, VIỆT NAM NĂM 2000

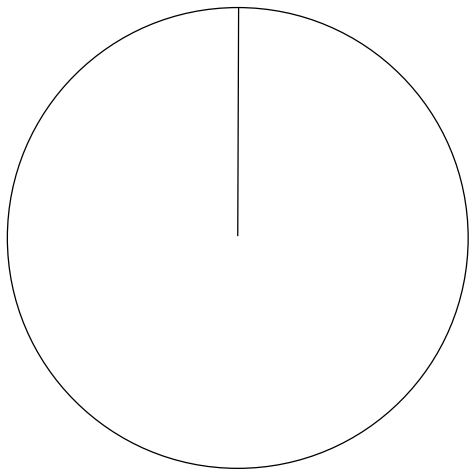
(Đơn vị: %)

Nước	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Pháp	5,1	27,8	67,1
Mexico	28,0	24,0	48,0
Việt Nam	68,0	12,0	20,0

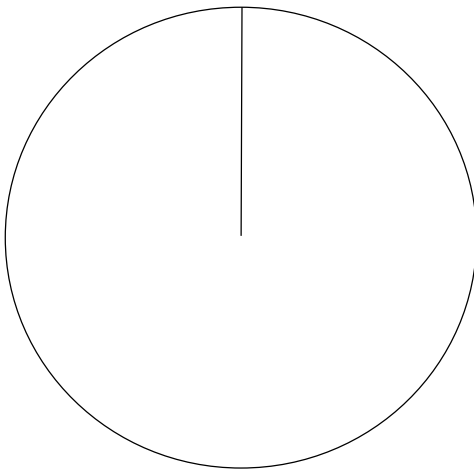
Bước 1: Đổi ra độ

Nước	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Pháp			
Mexico			
Việt Nam			

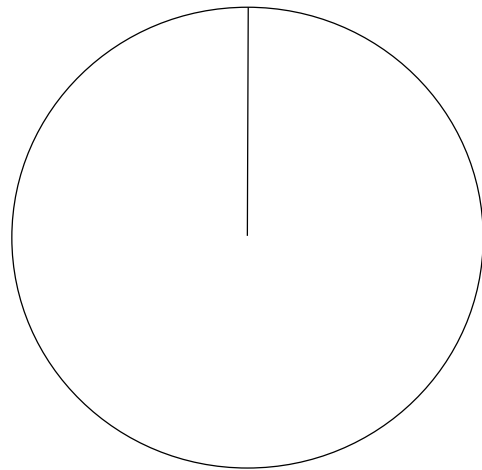
Bước 2: Vẽ



PHÁP



MEXICO



VIỆT NAM

Bước 3: Nhận xét

[illegible]

Củng cố

This image shows a blank sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.